



**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA LUẬT**

CHƯƠNG 4. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Người soạn: GV. Trương Thị Ánh Nguyệt

Đà Nẵng, 2021

Trương Thị Ánh Nguyệt

CHƯƠNG 4. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT

4.1. Quy phạm pháp luật

4.2. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật
của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

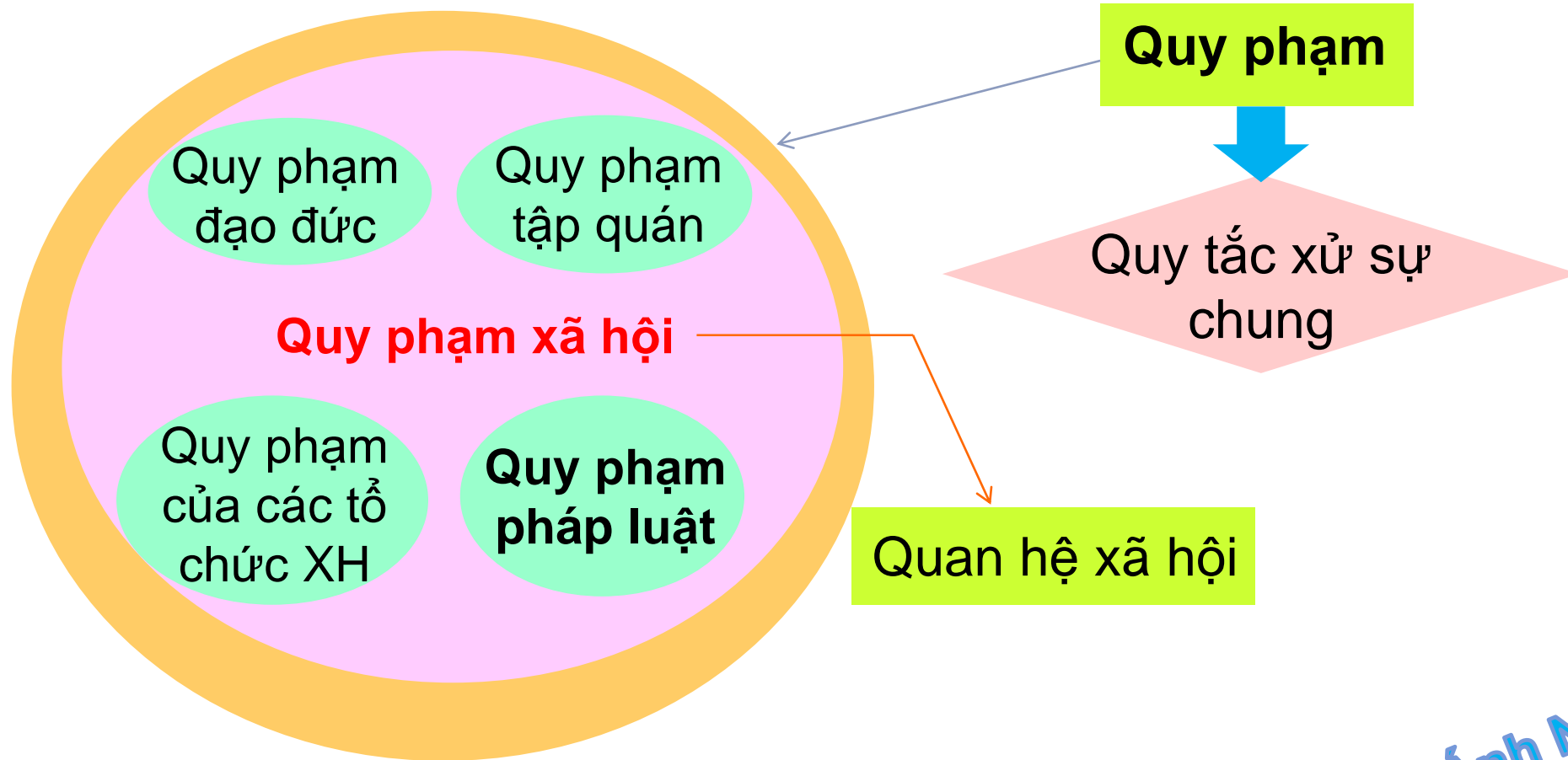
4.3. Quan hệ pháp luật

Trương Thị Ánh Nguyệt



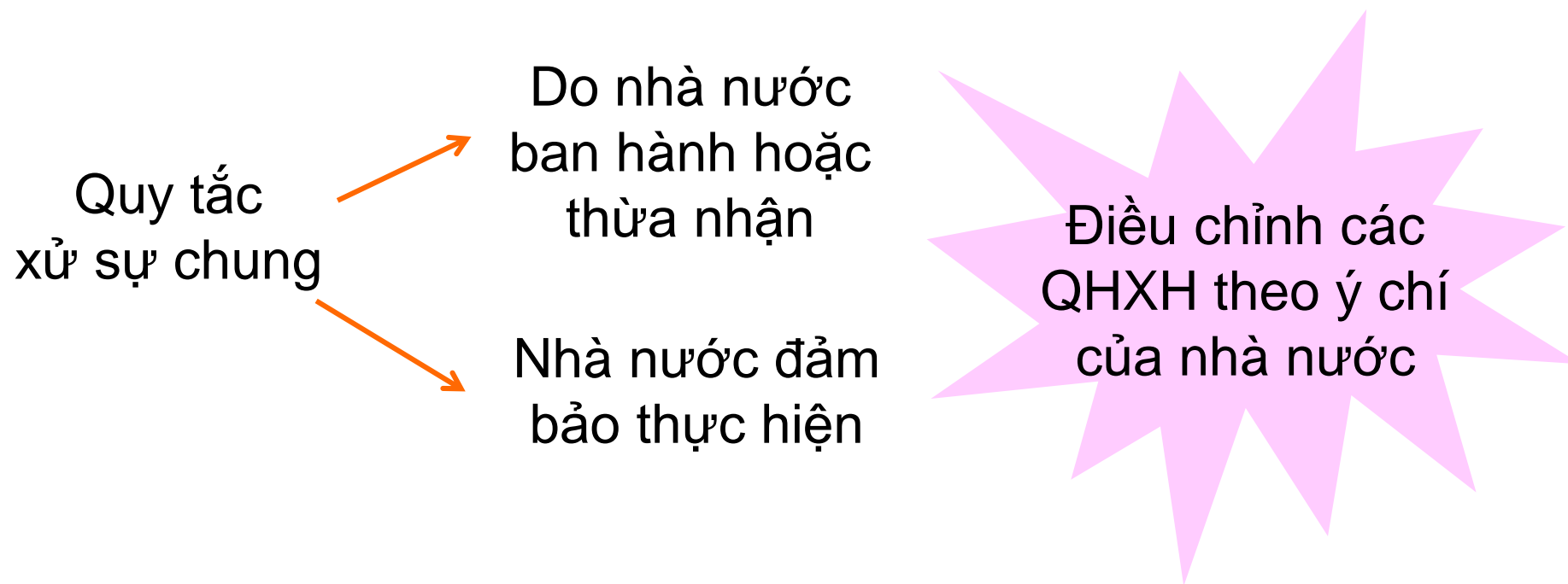
4.1. Quy phạm pháp luật

4.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật



Trương Thị Ánh Nguyệt

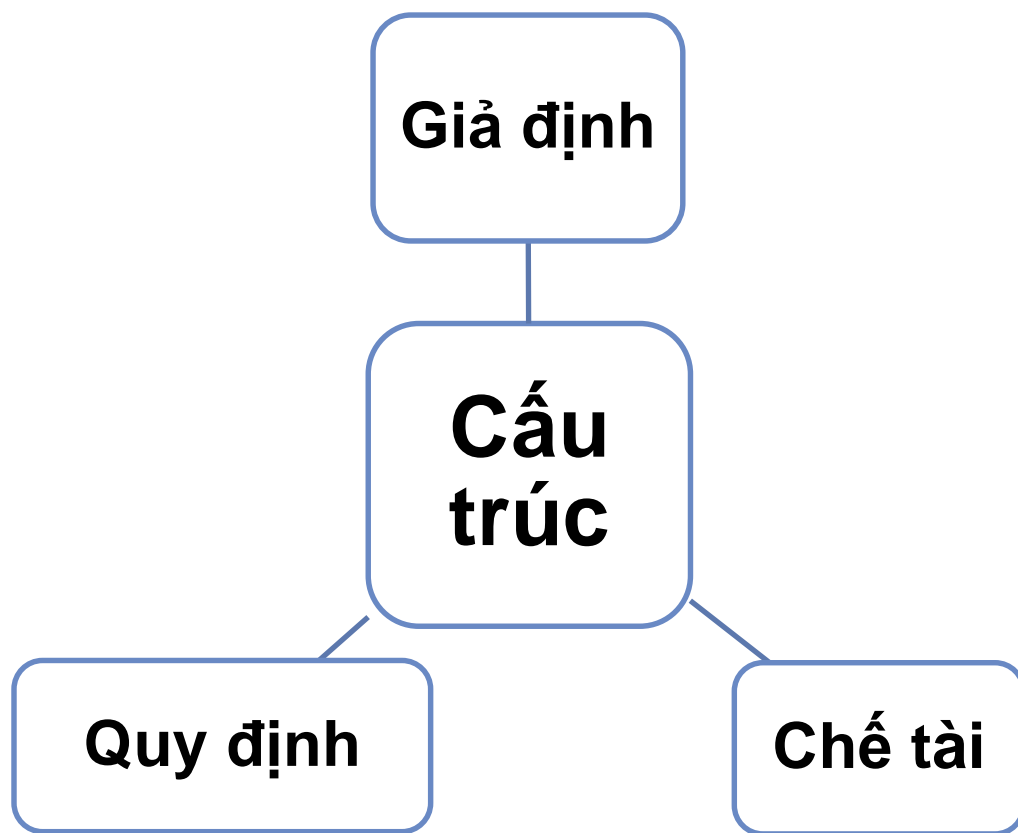
4.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật



4.1.2. Đặc điểm của quy phạm pháp luật



4.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật



Trương Thị Ánh Nguyệt



4.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

<div>Tiêu chí</div> <div>Bộ phận</div>	Khái niệm	Vai trò	Phân loại
Giả định	Nêu lên điều kiện, hoàn cảnh, tình huống có thể xảy ra trong thực tế; theo đó, cá nhân, tổ chức ở trong những điều kiện, hoàn cảnh, tình huống đó phải chịu sự tác động của QPPL.	Xác định phạm vi tác động của QPPL ↙ Chủ thể nào? ↘ Trong điều kiện, hoàn cảnh gì sẽ chịu sự tác động của QPPL?	<div>Giả định giản đơn</div> <div>Chỉ nêu lên một điều kiện, hoàn cảnh</div> <div>↙ ↘</div> <div>Giả định phức tạp</div> <div>Nêu lên nhiều điều kiện, hoàn cảnh, và giữa chúng có mối liên hệ với nhau</div>
<div>Trương Thị Ánh Nguyệt</div> <div></div>			

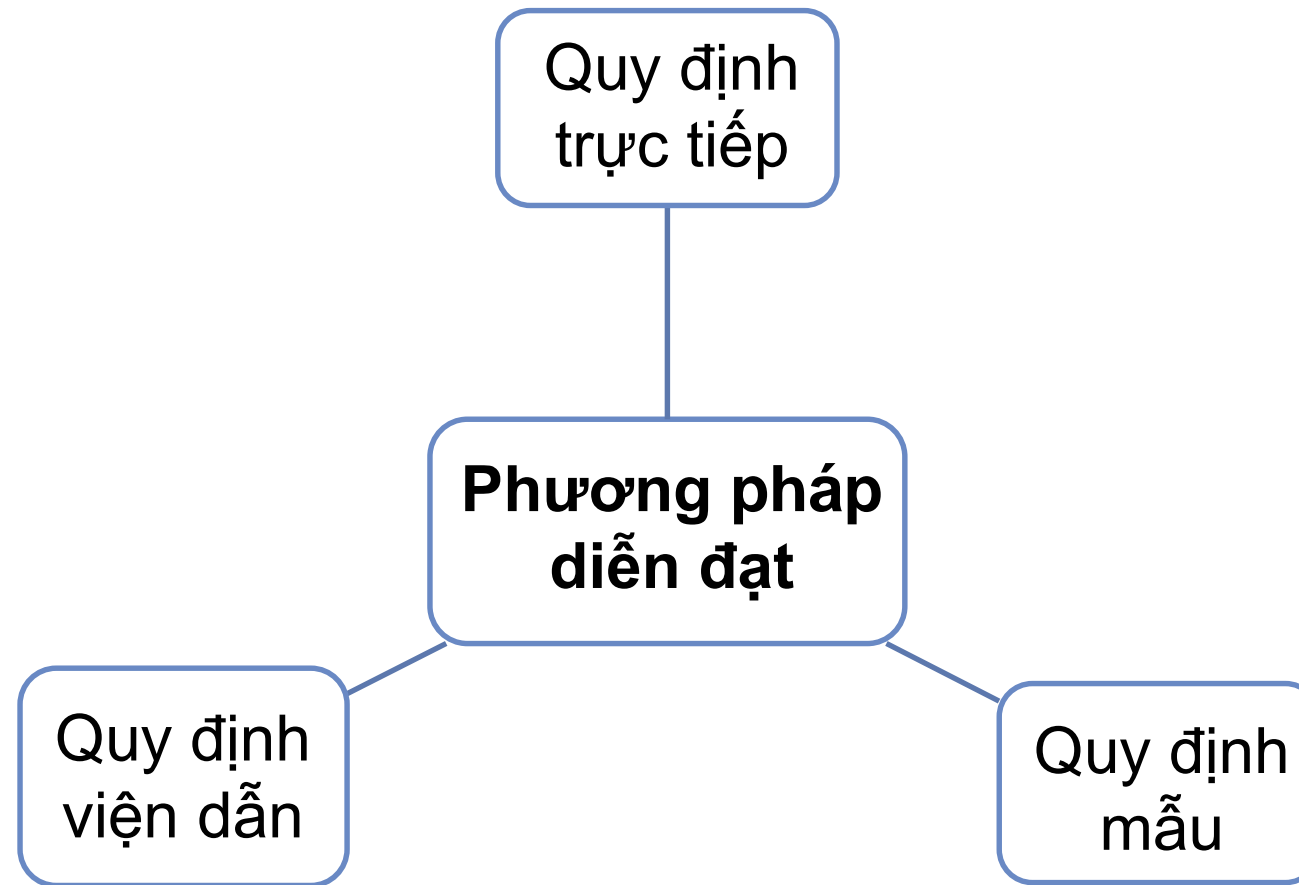
4.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

<div>Tiêu chí</div> <div>Bộ phận</div>	Khái niệm	Vai trò	Phân loại
Quy định	Nêu lên cách thức xử sự của chủ thể trong bộ phận giả định phải thực hiện để phù hợp với ý chí của nhà nước.	Mô hình hóa ý chí của nhà nước, cụ thể hóa cách thức xử sự của cá nhân, tổ chức thuộc sự điều chỉnh của QPPL. <div><div></div>Được làm gì <div></div>Không được làm gì <div></div>Làm như thế nào</div>	<div>Quy định dứt khoát</div> <div>Quy định một hành vi hoặc một mức độ thực hiện hành vi.</div> <div>Quy định không dứt khoát</div> <div>Quy định nhiều loại hành vi hoặc nhiều mức độ thực hiện hành vi khác nhau để chủ thể trong bộ phận giả định lựa chọn cách xử sự phù hợp.</div>

4.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

<div>Tiêu chí</div> <div>Bộ phận</div>	Khái niệm	Vai trò	Phân loại
Chế tài	Nêu lên một số biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với những cá nhân, tổ chức không xử sự đúng mệnh lệnh của nhà nước được nêu trong bộ phận quy định.	Đảm bảo cho các quy định của nhà nước được chấp hành một cách nghiêm minh. (Các chủ thể trong bộ phận giả định biết hậu quả pháp lý họ gánh chịu nếu không xử sự đúng mệnh lệnh của nhà nước yêu cầu trong bộ phận quy định).	<div><div>Tính linh hoạt trong việc lựa chọn biện pháp áp dụng</div><div>Tính chất vi phạm và các quy định pháp luật bị xâm phạm</div><div>Chế tài cố định</div><div>Chế tài không cố định</div><div>Chế tài dân sự</div><div>Chế tài hình sự</div><div>Chế tài hành chính</div><div>Chế tài kỷ luật</div></div>

4.1.4. Phương pháp diễn đạt quy phạm pháp luật



4.1.4. Phương pháp diễn đạt quy phạm pháp luật

<div>Phương pháp diễn đạt</div> <div>Tiêu chí</div>	Quy định trực tiếp	Quy định viện dẫn	Quy định mẫu
Khái niệm	Cách diễn đạt nội dung thông tin của QPPL trực tiếp trong chính quy phạm đó.	QPPL điều chỉnh các quan hệ xã hội có tính chất giống nhau và hướng điều chỉnh của nhà lập pháp đối với quan hệ đó cũng có nội dung tương đồng. Nội dung của quy phạm này có thể được viện dẫn (trình bày) ở quy phạm khác.	Cách diễn đạt nội dung của QPPL có liên quan đến nhiều quy phạm trong các văn bản khác. Các QPPL thuộc cách diễn đạt này nêu lên sự cần thiết phải tham khảo ở một hoặc nhiều QPPL khác có liên quan.

Về phương diện thể hiện theo cấu trúc của quy phạm pháp luật

Một số lưu ý

- QPPL được trình bày trong điều luật. Mỗi điều luật có thể chứa một hoặc nhiều QPPL.
- Một QPPL không bắt buộc phải có đầy đủ 3 bộ phận: Giả định, quy định và chế tài.
- Các bộ phận của QPPL thường được trình bày theo trật tự: Giả định, quy định, chế tài; nhưng trật tự này có thể bị đảo ngược trong một số trường hợp.

Trương Thị Ánh Nguyệt



4.2. Hệ thống các văn bản QPPL của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.2.1. Khái niệm văn bản QPPL

**Văn bản
QPPL**



Văn bản có
chứa QPPL



Được ban hành theo đúng
thẩm quyền, hình thức,
trình tự, thủ tục quy định

Trương Thị Ánh Nguyệt

Lưu ý: Văn bản có chứa QPPL nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản QPPL thì không phải là văn bản QPPL.

4.2.2. Đặc điểm của văn bản QPPL

ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN QPPL

Do CQNN có
thẩm quyền
ban hành

Chứa đựng
các quy tắc
xử sự có tính
bắt buộc
chung (QPPL)

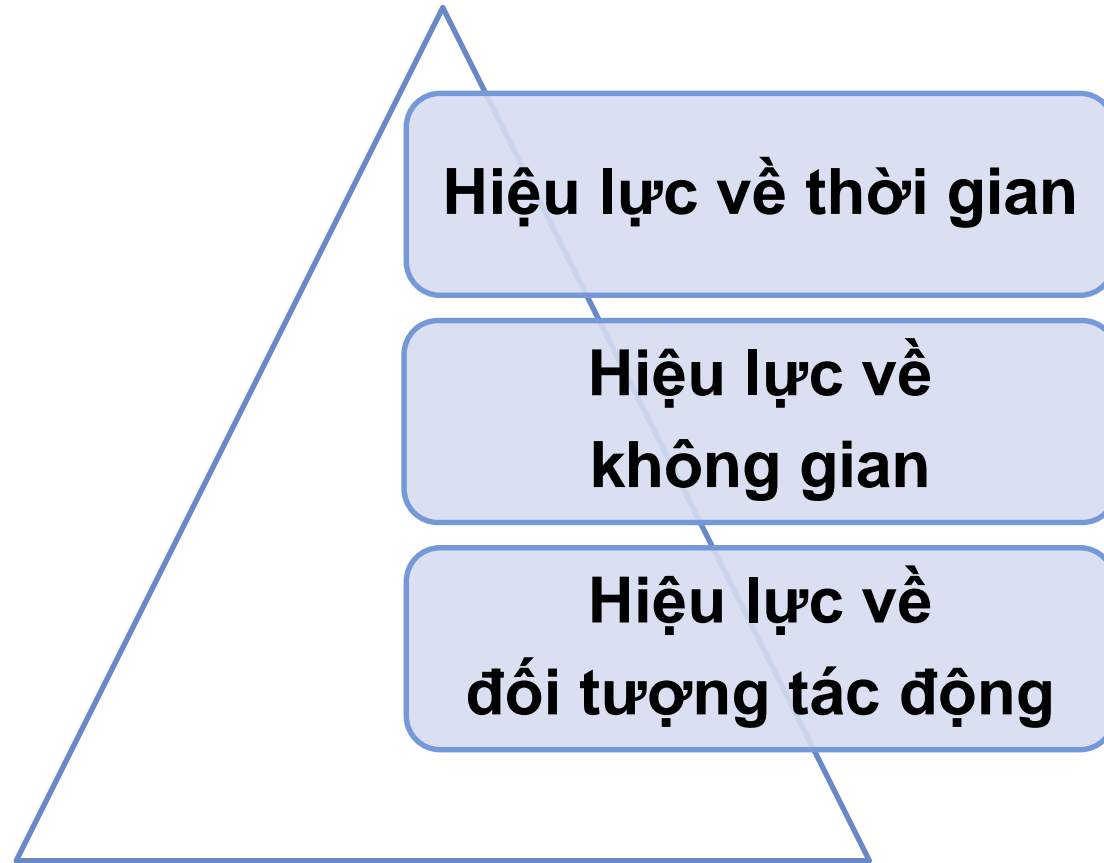
Được áp dụng
nhiều lần và
nhiều đối tượng
khi có những sự
kiện pháp lý
tương ứng xảy
ra, chừng nào
chưa hết
hiệu lực.

Được ban
hành theo
đúng tên gọi,
trình tự,
thủ tục pháp
lý theo
luật định

4.2.3. Hệ thống các văn bản QPPL của Việt Nam

STT	Cơ quan ban hành	Tên gọi văn bản
1	Quốc hội	Hiến pháp, Luật, Nghị quyết
2	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Pháp lệnh, Nghị quyết
3	Chủ tịch nước	Lệnh, Quyết định
4	Chính phủ	Nghị định
5	Thủ tướng Chính phủ, Tổng Kiểm toán nhà nước	Quyết định
6	Hội đồng Thẩm phán TANDTC	Nghị quyết
7	Chánh án TANDTC; Viện trưởng VKSNDTC; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư
8	Giữa các CQNN có thẩm quyền	Thông tư liên tịch
9	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết
10	Ủy ban nhân dân	Quyết định

4.2.4. Hiệu lực của văn bản QPPL



4.2.4. Hiệu lực của văn bản QPPL

A. Hiệu lực về thời gian

Thời điểm phát sinh hiệu lực (toàn bộ hoặc một phần văn bản QPPL)

Văn bản QPPL của CQNN ở Trung ương: Không sớm hơn 45 ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp tỉnh: không sớm hơn 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành; văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện và cấp xã: không sớm hơn 7 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của CQ ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 3 ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

A. Hiệu lực về thời gian



A. Hiệu lực về thời gian

Hiệu lực trở về trước (hiệu lực hồi tố) của văn bản QPPL

Điều 152 Luật Ban hành văn bản QPPL. Hiệu lực trở về trước của văn bản QPPL

1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.
2. Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;
 - b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.
3. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước.

B. Hiệu lực về không gian

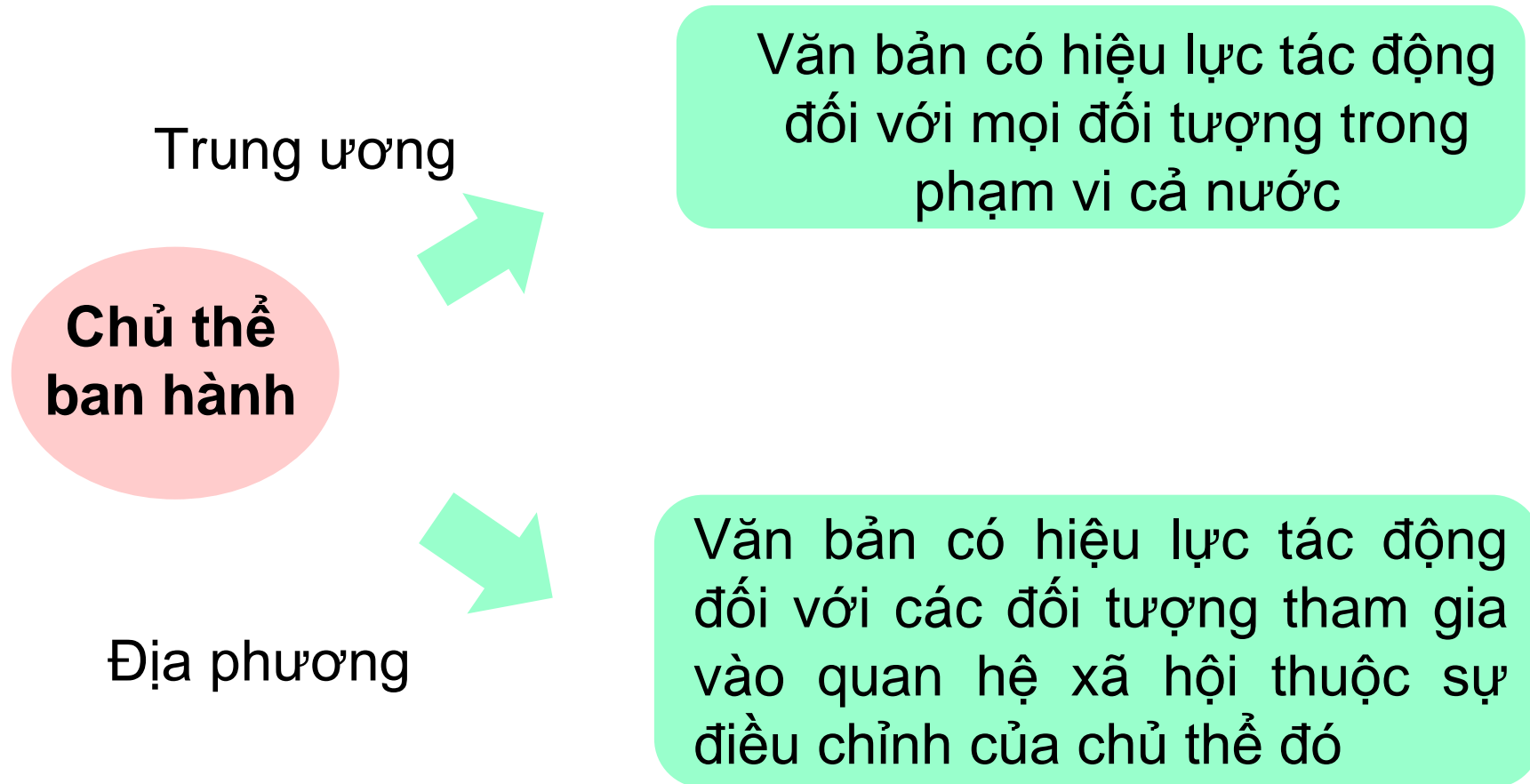


Hiệu lực về không gian của văn bản QPPL là giới hạn phạm vi tác động của văn bản về mặt **lãnh thổ, địa phương** nhất định.

Trương Thị Ánh Nguyệt



C. Hiệu lực về đối tượng tác động

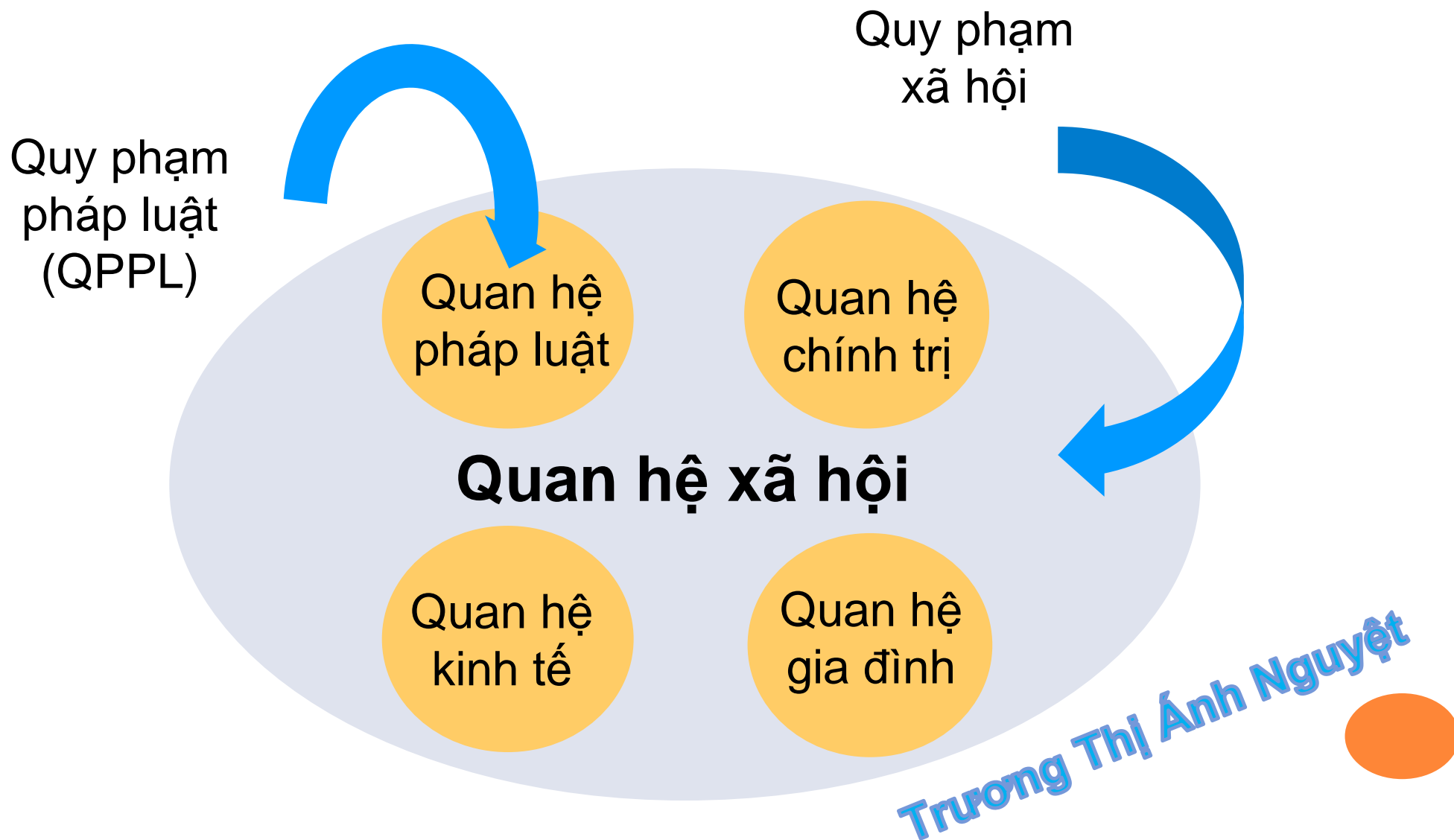


4.3. QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Nội dung

- 4.3.1. Khái niệm và đặc điểm
- 4.3.2. Phân loại
- 4.3.3. Cơ cấu của QHPL
- 4.3.4. Sự kiện pháp lý

4.3.1. Khái niệm và đặc điểm



4.3.1. Khái niệm và đặc điểm

A. Khái niệm

Quan hệ pháp luật (QHPL) là những QHXX được hình thành trên cơ sở có sự điều chỉnh của QPPL làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các chủ thể tham gia quan hệ đó.

Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.1. Khái niệm và đặc điểm

B. Đặc điểm

QHPL mang **tính ý chí** của các chủ thể.

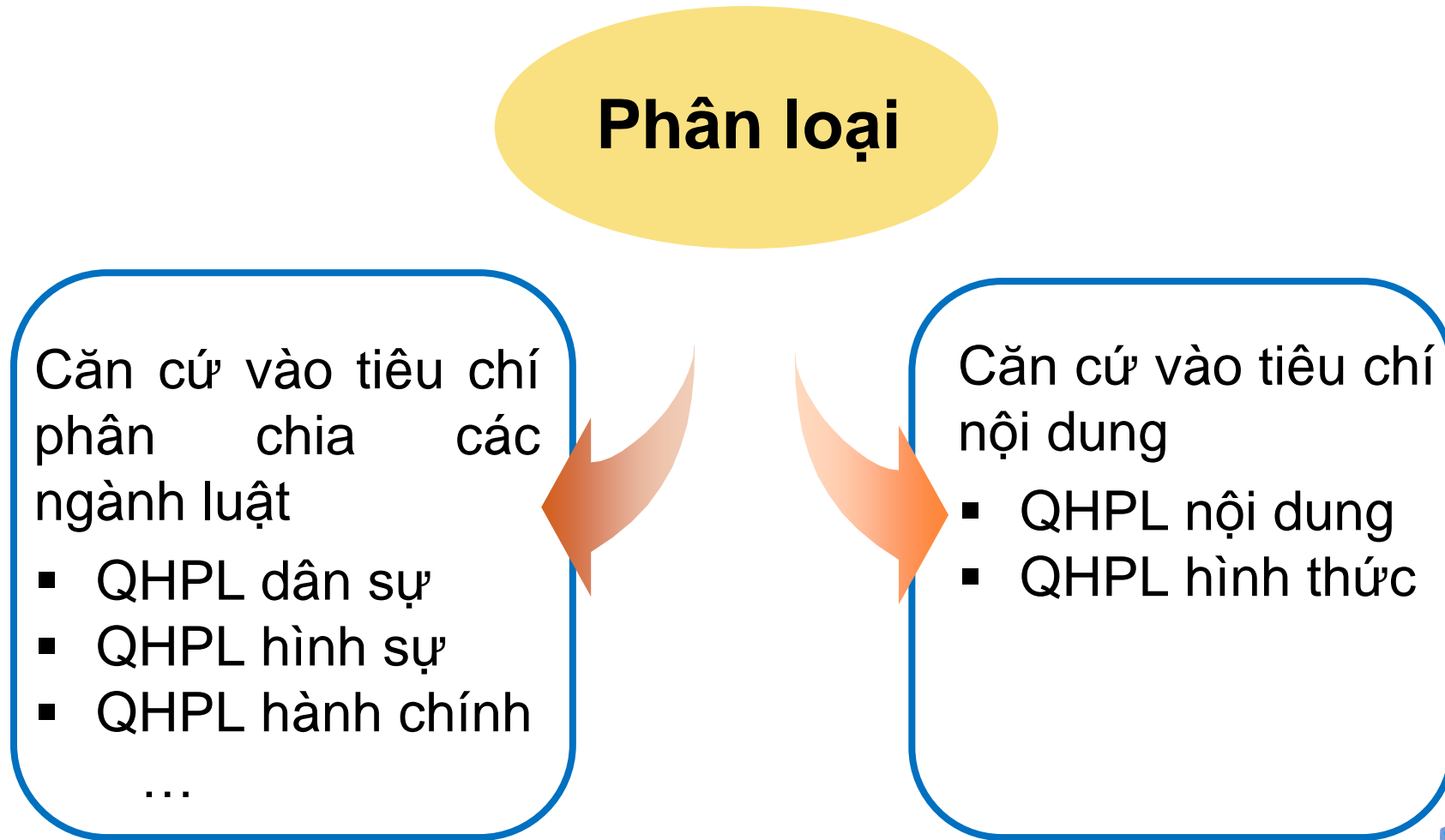
QHPL có **các chủ thể** xác định và chứa nội dung là **quyền và nghĩa vụ pháp lý** của các chủ thể.

QHPL được nhà nước đảm bảo thực hiện.

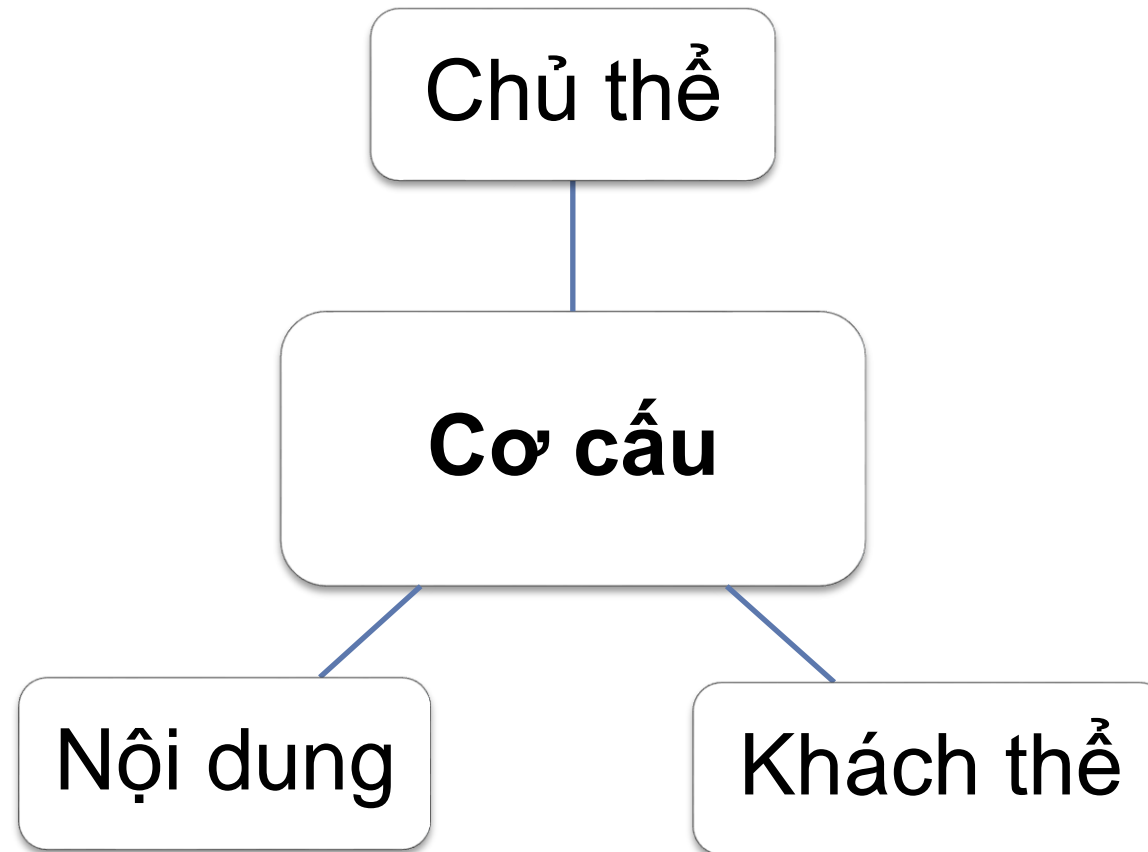
Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.2. Phân loại Quan hệ pháp luật



4.3.3. Cơ cấu của Quan hệ pháp luật



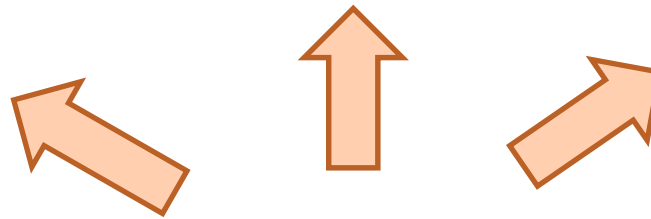
4.3.3. Cơ cấu của Quan hệ pháp luật

4.3.3.1. Chủ thể của Quan hệ pháp luật

** Khái niệm*

Có năng lực chủ thể
theo quy định pháp luật

Cá nhân,
tổ chức



Tham gia
quan hệ
pháp luật

**Chủ thể của
Quan hệ pháp luật**

Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.3.1. Chủ thể của Quan hệ pháp luật

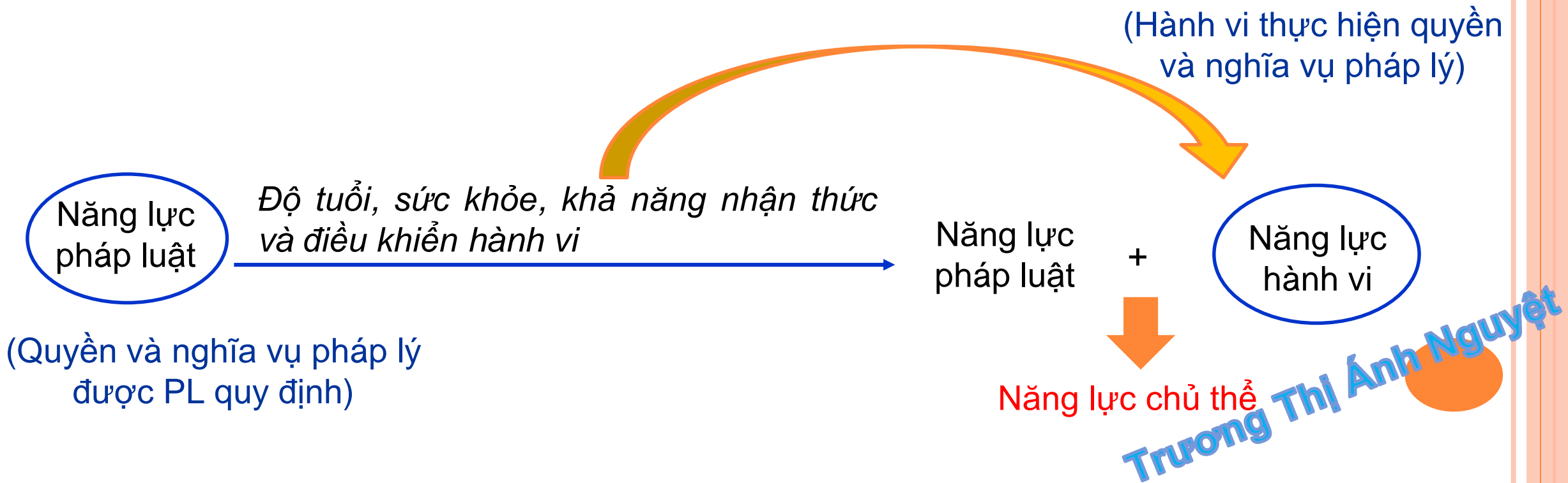
A. Cá nhân

Cá nhân

Công dân Việt Nam

Người nước ngoài

Người không có quốc tịch



4.3.3.1. Chủ thể của Quan hệ pháp luật

A. Cá nhân

Lưu ý về năng lực hành vi dân sự (NLHVDS) của cá nhân

Người mất NLHVDS



Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi



Người bị hạn chế NLHVDS



Kết luận giám định pháp y tâm thần

Yêu cầu của cá nhân, tổ chức có liên quan



Tòa án ra quyết định

Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.3.1. Chủ thể của Quan hệ pháp luật

B. Tổ chức

Tổ chức

- ➔ Tổ chức có tư cách pháp nhân
- ➔ Tổ chức không có tư cách pháp nhân
- ➔ Nhà nước: Chủ thể đặc biệt

Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.3.1. Chủ thể của Quan hệ pháp luật

B. Tổ chức

B1. Tổ chức có tư cách pháp nhân

Tư cách pháp nhân → **Khoản 1 Điều 74 Bộ Luật Dân sự 2015:**

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;
- c) Có **tài sản độc lập** với cá nhân, pháp nhân khác và **tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình**;
- d) Nhân danh mình **tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập**.

Pháp nhân được
thành lập hợp pháp



Năng lực chủ thể xuất hiện

Pháp nhân chấm dứt
hoạt động



Năng lực chủ thể chấm dứt

Năng lực chủ thể của pháp nhân phải phù hợp với mục đích hoạt động của pháp nhân đó.

4.3.3.1. Chủ thể của Quan hệ pháp luật

B. Tổ chức

B2. Tổ chức không có tư cách pháp nhân



Tổ chức này vẫn có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật khi có năng lực chủ thể. Tuy nhiên, năng lực chủ thể của loại này bị hạn chế hơn so với pháp nhân.

B3. Nhà nước

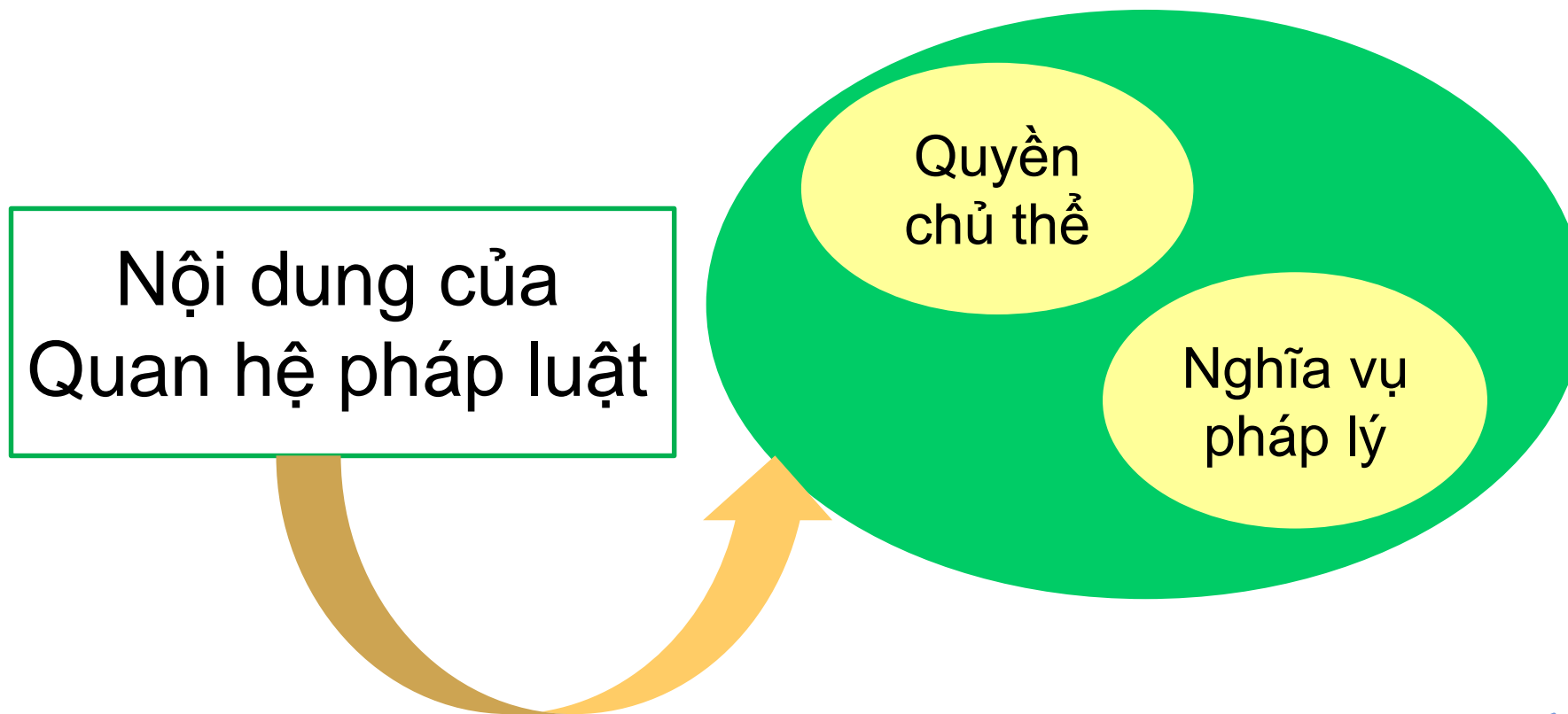


Nhà nước có thể tham gia vào quan hệ pháp luật với tư cách là **chủ thể đặc biệt** (chủ thể công quyền).

Trương Thị Ánh Nguyệt

4.3.3. Cơ cấu của Quan hệ pháp luật

4.3.3.2. Nội dung của Quan hệ pháp luật



Trương Thị Ánh Nguyệt



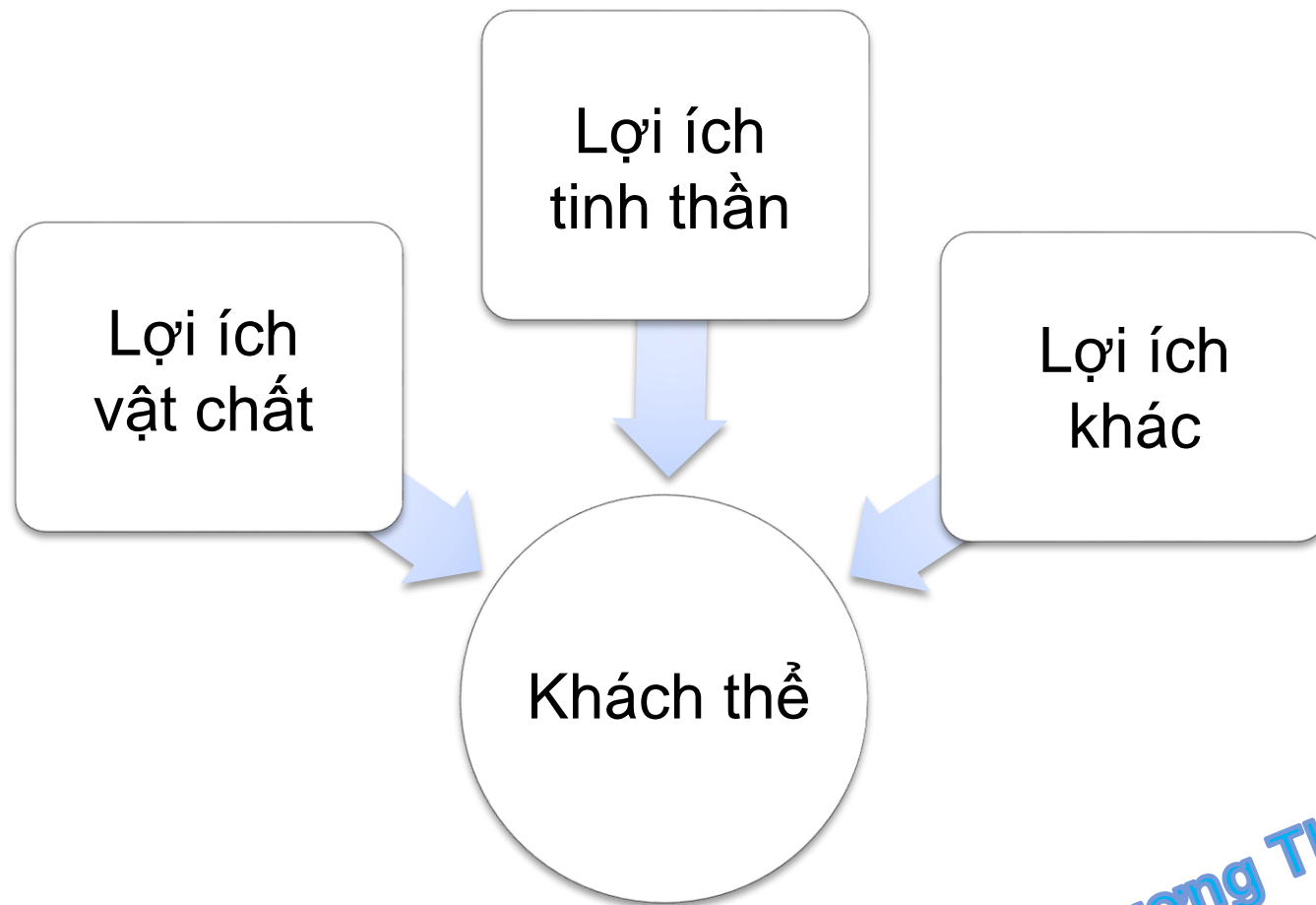
4.3.3. Cơ cấu của Quan hệ pháp luật

4.3.3.2. Nội dung của Quan hệ pháp luật

	Quyền chủ thể	Nghĩa vụ pháp lý
Khái niệm	Khả năng xử sự của chủ thể được pháp luật cho phép khi tham gia QHPL.	Cách xử sự bắt buộc mà các chủ thể khi tham gia QHPL phải thực hiện để đáp ứng quyền của các chủ thể khác. → Sự cần thiết phải xử sự của các chủ thể QHPL.
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none">➤ Chủ thể được quyền thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép.➤ Chủ thể có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ của họ.➤ Chủ thể có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền của mình.	<ul style="list-style-type: none">➤ Bên có nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện các xử sự nhất định theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng quyền của chủ thể kia.➤ Bên có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4.3.3. Cơ cấu của Quan hệ pháp luật

4.3.3.3. Khách thể của Quan hệ pháp luật



Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.4. Sự kiện pháp lý

4.3.4.1. Khái niệm

Sự kiện pháp lý là những điều kiện, hoàn cảnh, tình huống của thực tế mà sự xuất hiện hoặc mất đi của chúng được quy phạm pháp luật gắn đến sự phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật.

Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.4. Sự kiện pháp lý

4.3.4.2. Phân loại

Sự biến
pháp lý

Dấu hiệu ý chí

Hành vi
pháp lý

Những **hiện tượng tự nhiên** xảy ra không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người, nhưng được nhà lập pháp dự liệu trong bộ phận giả định của QPPL, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các QHPL cụ thể.



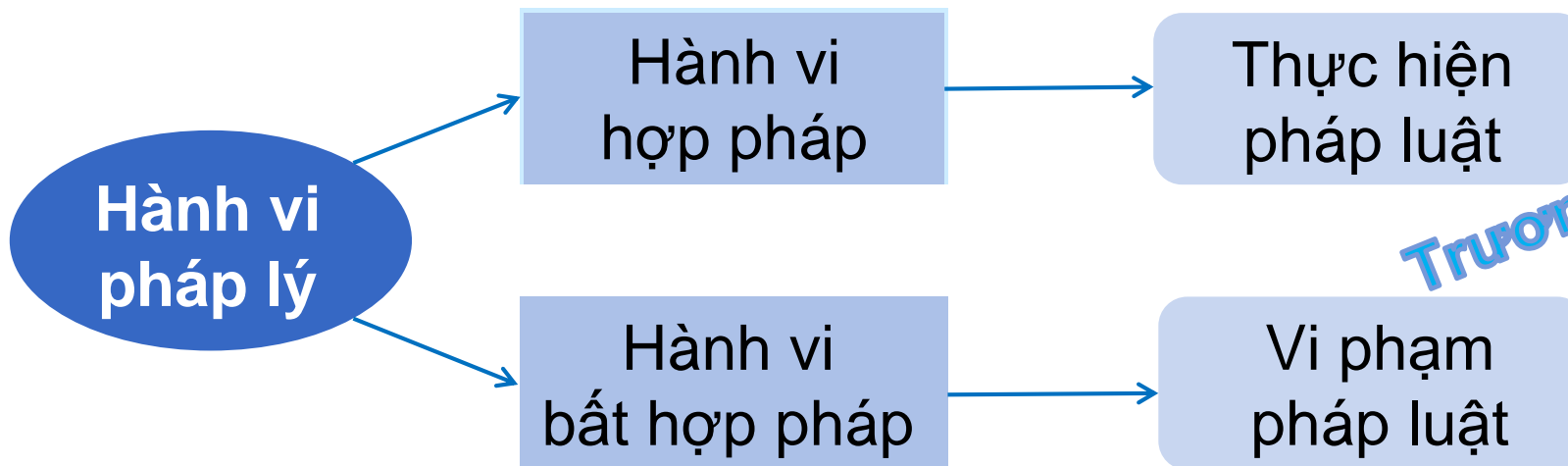
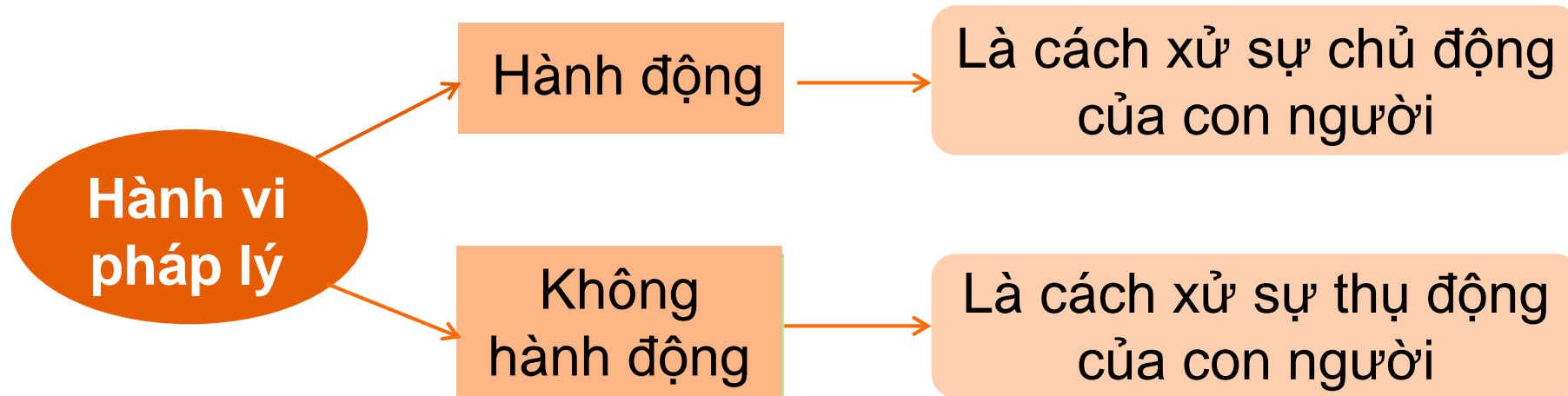
Những **hoạt động có ý thức của con người**, ở dạng hành động hoặc không hành động, tạo ra những tình huống, hoàn cảnh cụ thể phù hợp với bộ phận giả định trong QPPL, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các QHPL cụ thể.



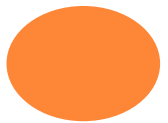
Trương Thị Ánh Nguyệt

4.3.4. Sự kiện pháp lý

4.3.4.2. Phân loại



Trương Thị Ánh Nguyệt



4.3.4. Sự kiện pháp lý

4.3.4.2. Phân loại

